TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/3/2024
V/v: Xin ly hôn giữa bà Lâm N và ông Vy Đ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà ĐẶNG THỊ THANH HƯƠNG.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông CAO ĐÌNH NHÂN.

2/ Ông LÊ VĂN HOÀNG.

- Thư ký phiên tòa: Bà TRỊNH THANH VÂN – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà BÙI THỊ LAN- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 549/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lâm N**, sinh năm 1988.

Trú tại: 294A Ấp 1, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Vy Đ**, sinh năm 1982. Nghề nghiệp: Làm nông

Trú tại: Tổ 17, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà N có mặt tại phiên toà, ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****/ Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn bà N trình bày:***

Bà cùng ông Vy Đ kết hôn vào năm 2020 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu khoảng 04 tháng. Quá trình vợ chồng chung sống: Vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà đã dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại tỉnh Sóc Trăng từ tháng 5/2023, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với

nhau được nữa. Bà yêu cầu Toà án huyện Đ giải quyết cho bà được ly hôn ông Vy Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ không có con chung.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ ***Bị đơn ông Đ trình bày***:

Ông cùng bà N kết hôn với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu 04 tháng. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tháng 7/2023 bà N đã về nhà mẹ ruột ở tỉnh Sóc Trăng sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó, nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thế hàn gắn để tiếp tục chung sống. Nay bà N yêu cầu ly hôn ông thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà N không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà N không có tài sản chung, không có nợ chung nên ông không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà N vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ý kiến quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N. Cho bà N được ly hôn ông Đ. Về con chung không có. Về tài sản chung và nợ chung bà N và ông Đ không yêu cầu xem xét giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Đây là vụ án "Xin ly hôn" giữa nguyên đơn bà Lâm N và bị đơn ông Vy Đ.

Về tố tụng dân sự: Bà N có đơn đề nghị Tòa án huyện Đ giải quyết việc hôn nhân của ông bà. Theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ. Tại phiên tòa hôm nay Tòa án triệu tập ông Đ đến tham gia phiên toà nhưng ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó

Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt ông Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà N và ông Đ là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng bất đồng trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, vợ chồng không tôn trọng, tin tưởng nhau. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không tìm ra hướng giải quyết. Ông bà đã ly thân bà N đã về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Sóc Trăng sinh sống từ tháng 5/2023 cho đến nay. Nay bà N làm đơn yêu cầu được ly hôn ông Đ thì ông Đ đồng ý. Xét thấy hôn nhân giữa ông bà tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, ông bà đã ly thân, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn ông Đ là phù hợp, có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Bà N và ông Đ không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông Đ trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, ông bà không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí: Bà N phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 195, 205, 211, 220, 227, 228, 264, 267 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Lâm N được ly hôn ông Vy Đ.

2/ Về án phí: Bà Lâm N phải nộp toàn bộ án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (được trừ vào số tiền 300.000đồng bà N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003254 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng).

3/ Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà N có quyền kháng cáo bản án. Riêng ông Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để xin Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện, tỉnh;
- THA DS huyện Đức Trọng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐẶNG THỊ THANH HƯƠNG